

KẾ HOẠCH

Tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. MỤC ĐÍCH

1. Tổ chức sơ kết, đánh giá toàn diện, khách quan kết quả 01 năm triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; làm rõ những kết quả nổi bật, điển hình cơ bản đã đạt được, chỉ ra những hạn chế, khó khăn, vướng mắc chủ yếu, nguyên nhân chủ quan, khách quan và những bài học kinh nghiệm sâu sắc.

2. Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của giai đoạn 2026 - 2030 để tiếp tục hoàn thiện chính quyền địa phương 02 cấp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đặc biệt là ở cấp xã, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

II. YÊU CẦU

1. Việc tổ chức sơ kết phải được tiến hành hết sức nghiêm túc, khoa học, bảo đảm phản ánh đầy đủ, đúng thực tiễn, đúng hiệu quả vận hành chính quyền địa phương 02 cấp tại các xã, phường; tránh “bệnh thành tích”, hình thức, đánh giá chung chung.

2. Việc tổ chức sơ kết phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã; gắn việc sơ kết với rà soát thể chế, chính sách, tổ chức bộ máy, biên chế, phân cấp, phân quyền, tài chính, tài sản công...

3. Kết quả sơ kết phải có tính định hướng chính sách rõ ràng, phục vụ hiệu quả công tác xây dựng và hoàn thiện chủ trương, đường lối của Đảng, thể chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp có thẩm quyền.

B. NỘI DUNG SƠ KẾT

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Tổ chức sơ kết và báo cáo đánh giá toàn diện các nội dung sơ kết theo Đề cương (kèm theo), trong đó lưu ý một số nội dung trọng tâm sau:

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện

a) Việc quán triệt, nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống chính trị và định hướng dư luận xã hội đối với việc sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Việc ban hành các văn bản đề lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định của Đảng, chỉ đạo, điều hành của Nhà nước liên quan đến công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp¹. Đặc biệt là công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; việc ban hành văn bản và tổ chức triển khai thực hiện của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ và phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền

a) Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ:

- Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh: Đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

- Đối với UBND các xã, phường: Đánh giá kết quả việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 25 và Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

b) Về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền:

- Rà soát, đánh giá việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã khi tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Đánh giá tính khả thi các nhiệm vụ, thẩm quyền thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của các sở, ban, ngành cấp tỉnh đã phân cấp, phân quyền từ tỉnh xuống xã, phường; những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ, thẩm

¹ Đặc biệt là kết quả thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị Trung ương 11 khóa XIII (liên quan đến nội dung phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp do Đảng ủy Chính phủ trình) và các Kết luận, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ ngày 01/7/2025 đến nay; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 và các văn bản quy phạm pháp luật, lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

quyền được phân cấp, phân quyền từ trung ương, từ tỉnh đề nghị tiếp tục tháo gỡ, ban hành văn bản hướng dẫn.

- Đánh giá nhiệm vụ, nội dung mà UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã gắn với cải cách thủ tục hành chính.

3. Về tổ chức bộ máy và nhân sự

a) Đánh giá tình hình, kết quả sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ngành và các xã, phường, đặc biệt là việc điều chỉnh các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ công (như: Ban Quản lý, các Trung tâm...); việc kiện toàn cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã và Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp. Trong đó, chú trọng đánh giá mức độ hiệu quả hoạt động, sự phù hợp trong quy định về chức năng, nhiệm vụ sau khi sắp xếp; những khó khăn, vướng mắc và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức này.

b) Đánh giá tổng thể việc bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau sáp nhập đơn vị sự nghiệp, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, đặc biệt là hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại cấp xã sau sắp xếp, trọng tâm là đánh giá mức độ phù hợp giữa vị trí việc làm với trình độ năng lực của cán bộ, công chức, viên chức, những khó khăn, vướng mắc và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ này trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đánh giá tình hình bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã làm nhiệm vụ hỗ trợ cho hoạt động của hệ thống chính trị tại đơn vị hành chính cấp xã mới từ ngày 01/7/2025 đến nay.

c) Đánh giá mức độ hiệu lực, hiệu quả vận hành của tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện chức năng quản trị, kiến tạo phát triển và phục vụ Nhân dân, nhất là trong việc cung ứng dịch vụ công; trong đó làm rõ mức độ thông suốt, liên thông trong xử lý công việc giữa các cấp, các cơ quan; chất lượng, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; khả năng thích ứng của bộ máy và đội ngũ sau sắp xếp; những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương.

4. Về thủ tục hành chính

Đánh giá việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, việc kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, VNeID, thanh toán điện tử; tỷ lệ cấu hình thủ tục hành chính, mức độ liên thông, hoạt động của Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo các mức độ và kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công. Trên cơ sở đó, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

5. Về bảo đảm nguồn lực tài chính hoạt động của chính quyền cấp xã

a) Về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước: Đánh giá việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước cho chính quyền cấp xã sau sắp xếp, trong đó làm rõ nguyên tắc, tiêu chí, mức độ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; khả năng đáp ứng yêu cầu hoạt động thường xuyên và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; những khó khăn, bất cập trong quá trình phân bổ và tổ chức thực hiện.

b) Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách của chính quyền cấp xã; mức độ chủ động trong quản lý, điều hành ngân sách; hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính; việc bảo đảm cân đối ngân sách, chấp hành kỷ luật, kỷ cương tài chính; những khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị, đề xuất.

c) Đánh giá nhu cầu và đề xuất cơ chế, chính sách tài chính đặc thù đối với chính quyền cấp xã sau sắp xếp, nhất là các địa bàn có quy mô lớn, điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc phát sinh nhiệm vụ mới; trong đó làm rõ yêu cầu về định mức phân bổ, cơ chế tự chủ và các giải pháp bảo đảm nguồn lực ổn định, lâu dài cho hoạt động của chính quyền cấp xã.

6. Về cơ sở vật chất, hỗ trợ nhà ở, trang thiết bị, tài sản công

a) Đánh giá tổng thể việc xử lý, sử dụng cơ sở nhà đất, trang thiết bị, tài sản công; các điều kiện đảm bảo vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, bao gồm cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, phòng họp trực tuyến, trang thiết bị làm việc; các chính sách hỗ trợ về đi lại, nhà ở đối với công chức, viên chức sau khi thực hiện sắp xếp.

b) Về giải quyết tài sản công dôi dư (trụ sở, đất đai, trang thiết bị với số lượng, tỷ lệ cụ thể).

7. Về hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số

a) Đánh giá mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã; đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin, mức độ triển khai chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; trong đó làm rõ mức độ đồng bộ, liên thông hệ thống thông tin giữa các cấp; khả năng đáp ứng trong giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công trực tuyến; mức độ tiếp cận, sử dụng dịch vụ số của người dân, doanh nghiệp; kỹ năng số của cán bộ, công chức cấp xã; những khó khăn, vướng mắc, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp và nhu cầu đầu tư, nâng cấp trong thời gian tới.

b) Đánh giá việc hình thành dữ liệu dùng chung, khả năng khai thác dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành chuyên môn, nghiệp vụ, triển khai Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước và hiệu quả ứng dụng khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp tại các xã, phường.

8. Số hóa, chỉnh lý tài liệu lưu trữ

Đánh giá công tác số hóa, chỉnh lý, quản lý hồ sơ, tài liệu lưu trữ; trong đó làm rõ khối lượng, tiến độ số hóa, mức độ hoàn thiện việc chỉnh lý hồ sơ, tài liệu

sau sắp xếp đơn vị hành chính; việc tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính; mức độ đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; những khó khăn, vướng mắc và nhu cầu về nguồn lực, hạ tầng, giải pháp trong thời gian tới.

II. VỀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Trên cơ sở đánh giá chung: Ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm cần khẳng định những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã, trên cơ sở kết quả đánh giá theo các nội dung nêu trên cần làm rõ nhiệm vụ, giải pháp cơ bản thực hiện trong thời gian tới.

III. THỜI GIAN, HÌNH THỨC SƠ KẾT

1. Sở, ban, ngành cấp tỉnh

a) Các sở, ban, ngành báo cáo sơ kết tình hình thực hiện của cơ quan, đơn vị mình theo Đề cương và biểu mẫu số 01 gửi kèm theo Kế hoạch này.

b) Thời gian hoàn thành: Báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 08/5/2026.

2. UBND các xã, phường

a) Hình thức: (1) Báo cáo, (2) Tổ chức hội nghị sơ kết phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

b) Thời gian hoàn thành trước ngày 07/5/2026, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) và các sở, ngành liên quan trước ngày 08/5/2026.

3. UBND tỉnh

a) Hình thức: (1) Báo cáo, (2) Tổ chức sơ kết tại Phiên họp (hội nghị) UBND tỉnh (chuyên đề hoặc thường kỳ), hoàn thành trước ngày 15/5/2026.

b) Đối với việc tổ chức hội nghị sơ kết toàn tỉnh: Giao Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Kết luận số 326-KL/TU ngày 02/4/2026, hoàn thành trong tháng 06 năm 2026.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

a) Xây dựng, ban hành Đề cương báo cáo; tổ chức khảo sát, đôn đốc, hướng dẫn các xã, phường triển khai thực hiện công tác sơ kết theo kế hoạch, bảo đảm tiến độ, chất lượng.

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu tổ chức các đoàn công tác do lãnh đạo UBND tỉnh làm Trưởng đoàn đi làm việc, khảo sát thực tế tại các xã, phường; tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ

Đảng ủy UBND tỉnh xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để tổ chức Hội nghị toàn tỉnh sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Kết luận số 326-KL/TU ngày 02/4/2026, hoàn thành trong tháng 06 năm 2026.

c) Tham mưu xây dựng dự thảo báo cáo, trình UBND tỉnh báo cáo Chính phủ (qua Bộ Nội vụ) và các Bộ, cơ quan Trung ương liên quan về kết quả sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp, hoàn thành trước ngày 15/5/2026.

2. Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu tổ chức các đoàn công tác do lãnh đạo UBND tỉnh làm Trưởng đoàn đi làm việc, khảo sát thực tế tại các xã, phường.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

a) Tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực.

b) Xây dựng báo cáo của sở, ban, ngành theo Đề cương hướng dẫn và biểu mẫu số 01, bảo đảm tiến độ, chất lượng gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, xây dựng báo cáo của UBND tỉnh.

4. Giao UBND các xã, phường

a) Tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế tại địa phương.

b) Xây dựng Báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp gửi Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành cấp tỉnh liên quan.

Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, THĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

Phụ lục:
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
SƠ KẾT 01 NĂM THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU CHUNG XÂY DỰNG BÁO CÁO

- Báo cáo phải bảo đảm phản ánh đầy đủ, khách quan, đúng tình hình triển khai vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; số liệu chính xác, thống nhất, có đối chiếu, so sánh.
- Báo cáo phải phản ánh đầy đủ, liên tục quá trình thực hiện từ thời điểm bắt đầu sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (ngày 01/7/2025) đến thời điểm báo cáo; diễn biến quá trình tổ chức thực hiện từ lúc bắt đầu đến thời điểm gửi Báo cáo.
- UBND cấp xã và các sở, ban, ngành cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, đầy đủ của số liệu và nội dung báo cáo của mình.

B. NỘI DUNG BÁO CÁO

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- Báo cáo khái quát đặc điểm tình hình của xã, phường (về quy mô, đặc thù địa bàn, số lượng thôn, bản, tổ dân phố, điều kiện kinh tế - xã hội, các yếu tố đặc thù ảnh hưởng đến việc tổ chức và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp).
- Báo cáo tình hình lãnh đạo, chỉ đạo, công tác thông tin, tuyên truyền nắm tình hình, định hướng dư luận (trên hệ thống báo chí, trang thông tin điện tử và các nền tảng xã hội (tỷ lệ %)); việc ban hành các văn bản triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (số lượng văn bản cụ thể). Cơ chế phối hợp giữa HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ, các cơ quan chuyên môn và cơ chế chỉ đạo, điều hành thường xuyên của các sở, ban, ngành cấp tỉnh đối với UBND cấp xã. Đánh giá tác động năng lực điều hành của chính quyền địa phương 02 cấp đối với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Việc triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, văn bản quy phạm pháp luật của trung ương và của tỉnh về chính quyền địa phương 02 cấp. Đánh giá hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý các vấn đề phát sinh trong giai đoạn chuyển đổi mô hình; mức độ ổn định tư tưởng cán bộ, công chức, viên chức và sự đồng thuận của Nhân dân, ổn định tổ chức bộ máy và bảo đảm vận hành thông suốt chính quyền địa phương sau sắp xếp.

II. KẾT QUẢ SAU 01 NĂM VẬN HÀNH

1. Kết quả thực hiện

a) Tổ chức bộ máy và nhân sự

- Về tổ chức bộ máy

+ Việc kiện toàn cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã (số lượng cụ thể trước và sau sắp xếp) và Trung tâm Phục vụ hành chính công; tình hình sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quản lý của UBND tỉnh, UBND cấp xã (số lượng trước khi sắp xếp, tại thời điểm ngay sau sắp xếp năm 2025 và diễn biến sau khi sắp xếp đến nay) **(Mẫu số 01 kèm theo)**.

+ Tình hình kiện toàn số lượng cơ quan chuyên môn cấp xã theo Nghị định số 370/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Việc bàn giao, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, hồ sơ công việc đang giải quyết, tồn đọng của đơn vị hành chính huyện (cũ) và xử lý công việc chuyển tiếp. Tiến độ và kết quả thực hiện.

+ Đánh giá tình hình hoạt động, hiệu lực, hiệu quả của các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã sau sắp xếp; mức độ ổn định, thông suốt trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

+ Những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình sắp xếp, bàn giao, tiếp nhận, xử lý công việc chuyển tiếp.

- Về công tác nhân sự

+ Tình hình thực hiện khung số lượng Phó Chủ tịch, số lượng và cơ cấu Ủy viên UBND cấp xã và giao quyền Chủ tịch UBND theo Nghị định số 300/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Số lượng biên chế cán bộ, công chức trước và sau sáp nhập (trong đó: báo cáo cụ thể số lượng biến động nghỉ hưu, nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc...); số lượng cán bộ, công chức làm việc tại đơn vị hành chính cấp xã sau sáp nhập đến thời điểm ngày 01/5/2026; số lượng cán bộ, công chức được điều động, biệt phái từ ngày 01/7/2025 đến thời điểm ngày 01/5/2026. Tình hình bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

+ Việc sắp xếp, bố trí làm cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp xã theo quy định của Đảng, của pháp luật. Việc bố trí nhân sự sau sắp xếp, thành lập Trung tâm khuyến nông cấp tỉnh, Trung tâm cung ứng dịch vụ công cấp xã, Trạm y tế cấp xã.

+ Kết quả phê duyệt vị trí việc làm; tình hình thừa thiếu, sự phù hợp trong bố trí, sử dụng; tổng số cán bộ, công chức có mặt đến ngày 01/5/2026; trình độ chuyên môn, đào tạo; mức độ phù hợp với vị trí việc làm được phân công tiếp nhận, bố trí; kết quả đánh giá, xếp loại công chức theo vị trí việc làm.

+ Tình hình tuyển dụng bổ sung công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển); tiếp nhận vào làm công chức, viên chức; ký hợp đồng lao động đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ ở vị trí công chức cấp tỉnh, cấp xã.

+ Tình hình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức quản lý nhà nước; chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức ở cấp tỉnh, cấp xã (số lượng lượt tham gia, chiếm tỷ lệ bao nhiêu %).

(Mẫu số 02, 03 kèm theo)

+ Đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; mức độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và hiệu quả công tác sắp xếp, bố trí nhân sự; đồng thời, đánh giá công tác tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở và phương án bổ sung biên chế, điều động cán bộ theo Thông báo số 21-TB/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng.

+ Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình bố trí vị trí việc làm, biên chế, tiêu chuẩn chức danh, cơ cấu ngạch công chức.

b) Phân quyền, phân cấp, ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền

- Báo cáo tổng số nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực mà chính quyền địa phương cấp tỉnh nhận phân quyền, phân cấp từ cơ quan trung ương; phân cấp, ủy quyền của chính quyền địa phương cấp tỉnh cho chính quyền địa phương cấp xã (ghi rõ số lượng nhiệm vụ của lĩnh vực nào); số lượng nhiệm vụ chính quyền địa phương cấp xã đề nghị được phân cấp thực hiện, điều kiện bảo đảm; cơ chế đánh giá tính khả thi các nhiệm vụ được phân cấp. Số nhiệm vụ cấp tỉnh đề nghị trung ương phân cấp.

- Tiếp tục đánh giá tính khả thi của các nhiệm vụ, thẩm quyền đang được phân cấp, phân quyền cho cấp tỉnh, cấp xã và đề xuất phương án giải quyết những nhiệm vụ, thẩm quyền được đánh giá không bảo đảm tính khả thi tại cấp tỉnh, cấp xã.

- Rà soát và chủ động đề nghị trung ương tiếp tục phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương thực hiện các nhiệm vụ, thẩm quyền mới, phù hợp điều kiện của địa phương.

- Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ phân cấp, ủy quyền.

- Những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp, phân quyền từ trung ương đề nghị tiếp tục tháo gỡ, ban hành văn bản hướng dẫn.

c) Về cơ sở vật chất, hỗ trợ nhà ở, trang thiết bị, tài sản công

- Số cơ sở nhà đất đã xử lý, chưa xử lý; việc chuyển đổi công năng sử dụng; trang thiết bị, xe công (bao nhiêu cơ sở đã đưa vào sử dụng hiệu quả, bao nhiêu cơ sở đã xử lý nhưng chưa khai thác được, những mô hình chuyển đổi công năng hiệu quả cho y tế, giáo dục, văn hóa, nhà ở công vụ,...; có phát sinh lãng phí hay không).

- Các điều kiện đảm bảo vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bao gồm cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, phòng họp trực tuyến, trang thiết bị làm việc.... Nguồn lực ngân sách địa phương đã chi để thực hiện tổ chức chính

quyền địa phương 02 cấp, chi tiết chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và chi tiết từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ, nguồn ngân sách địa phương và nguồn tài chính hợp pháp khác.

- Các chính sách hỗ trợ đi lại, nhà ở, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức.

- Đánh giá công tác triển khai thực hiện, xử lý các tài sản nhà, đất dôi dư; công tác đảm bảo cơ sở vật chất, các chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức tại địa phương.

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Số hóa tài liệu, lưu trữ

- Báo cáo kết quả đạt được trong công tác văn thư, lưu trữ và tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ số hóa tài liệu lưu trữ (tổng khối lượng tài liệu, hồ sơ cần lưu trữ, số lượng đã lưu trữ, số đã số hóa tính theo mét giá tài liệu, số đã chỉnh lý, số kho đạt chuẩn/chưa đạt chuẩn, số người làm công tác lưu trữ; phần mềm lưu trữ. Tiến độ thực hiện, tình trạng kho lưu trữ, số hóa...).

- Tình trạng số hóa nhưng chưa khai thác hiệu quả; tồn tại về tiêu chuẩn dữ liệu, phần mềm không đồng bộ.

- Việc sử dụng chữ ký số, văn bản điện tử, hồ sơ điện tử.

- Đánh giá mức độ, hiệu quả thực tiễn triển khai công tác số hóa tài liệu, lưu trữ.

- Các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện và hạn chế trong việc bảo đảm các nguồn lực thực hiện.

đ) Về hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số, thủ tục hành chính

- Tình hình đầu tư, trang bị hạ tầng công nghệ thông tin tại cấp tỉnh và cấp xã (máy chủ, máy trạm, thiết bị đầu cuối, mạng, trung tâm dữ liệu...).

- Hạ tầng kết nối, đường truyền, kết nối liên thông giữa các cấp.

- Hệ thống phần mềm và mức độ kết nối, liên thông giữa các hệ thống trong nội bộ cấp tỉnh, cấp xã và với hệ thống của bộ, ngành trung ương. Các điểm nghẽn kỹ thuật.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; tổng số lượng hồ sơ tiếp nhận, số lượng hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn; tỷ lệ hồ sơ quá hạn; kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công. Tình hình giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Đánh giá mức độ kết nối, liên thông giữa các cấp trong quá trình triển khai trang bị hạ tầng công nghệ thông tin và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công tại địa phương.

- Nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số, thủ tục hành chính.

2. Đánh giá

a) Ưu điểm: Đánh giá những lợi ích, hiệu quả trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp đối với công tác quản trị, điều hành; đối với người dân, doanh nghiệp; đối với hệ thống chính trị. Tính thông suốt, kịp thời trong điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đánh giá rõ mức độ chuyển đổi số tại địa phương, đơn vị, việc giảm thời gian giải quyết công việc, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Tác động của việc vận hành chính quyền địa phương 02 cấp về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; cung ứng dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp; đời sống, việc làm, sinh hoạt của Nhân dân. Đánh giá rõ kết quả, hiệu lực, hiệu quả hoặc định lượng sản phẩm cụ thể trong quá trình thực hiện.

b) Khó khăn, vướng mắc: Trình bày các nhóm khó khăn, vướng mắc; những giải pháp bộ, ngành trung ương, UBND tỉnh, các sở, ngành đã thực hiện, hướng dẫn; địa phương chủ động giải quyết tháo gỡ đối với từng nhóm khó khăn, vướng mắc. Các khó khăn, vướng mắc còn tồn tại hiện nay (tập trung làm rõ các khó khăn, vướng mắc về nhận thức; thể chế chính sách; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nguồn lực, khả năng đáp ứng...).

3. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM, CÁCH LÀM HAY CẦN NHÂN RỘNG

Đề nghị làm rõ các bài học sau:

- Bài học về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy và chính quyền.
- Bài học về bố trí, sử dụng và phát triển đội ngũ cán bộ.
- Bài học về quản lý, sắp xếp và khai thác hiệu quả tài sản công.
- Bài học về ứng dụng công nghệ, dữ liệu trong quản trị địa phương.
- Bài học khác do địa phương đề xuất, rút kinh nghiệm.

IV. GIẢI PHÁP, PHƯƠNG HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Trình bày cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp, phương hướng bám sát với đặc điểm, tình hình thực tiễn và quá trình vận hành của địa phương.

V. KIẾN NGHỊ

Đề xuất các kiến nghị cụ thể với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, bộ, cơ quan trung ương liên quan đến việc vận hành chính quyền địa phương 02 cấp./.

Phụ lục:
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số..... ngày...../5/2026 của.....)

Thời điểm Báo cáo: ngày/5/2026

TT	Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý (thuộc UBND cấp tỉnh, sở, chi cục thuộc sở, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã...)	Số lượng cơ cấu tổ chức, bên trong của ĐVSNCL	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ		TT	Kết quả sau khi thực hiện phương án sắp xếp ĐVSNCL theo dự kiến						
				Cơ cấu lại (hợp nhất, sáp nhập hoặc giải thể do hoạt động không hiệu quả (ghi cụ thể)	Sắp xếp ĐVSNCL theo định hướng của BCĐ (ghi cụ thể)		Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNCL sau sắp xếp, tính gọn	Mức độ tự chủ			
										ĐV tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐV tự bảo đảm chi TX	ĐV tự bảo đảm một phần chi TX	ĐV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG						TỔNG						
1	Lĩnh vực giáo dục					1	Lĩnh vực giáo dục						

1.1	Đại học					1.1	Đại học						
	...						...						
1.2	Cao đẳng					1.2	Cao đẳng						
	...						...						
1.3	Trung cấp nghề					1.3	Trung cấp nghề						
	..						...						
1.4	Trung tâm GDNN					1.4	Trung học nghề						
	..						...						
1.5	Trung tâm GDTX						...						
	...						...						
1.6	Trung học phổ thông					1.5	Trung học phổ thông						
	..						...						

1.7	Trung học cơ sở					1.6	Trung học cơ sở						
	...						...						
1.8	Tiểu học					1.7	Tiểu học						
	...						...						
1.9	Mầm non					1.8	Mầm non						
	...						...						
1.10	Trường liên cấp					1.9	Trường liên cấp						
	...						...						
	...						...						
1.11	ĐVSNCL khác					1.10	ĐVSNCL khác						
	...						...						
2	Lĩnh vực y tế					2	Lĩnh vực y tế						

2.1	Bệnh viện cấp tỉnh					2.1	Bệnh viện						
	...						...						
	Bệnh viện đa khoa (cấp huyện trước đây)						...						
	...						...						
2.2	Trung tâm y tế					2.2	Trung tâm y tế						
	...						...						
2.3	Trạm y tế cấp xã					2.3	Trạm y tế cấp xã						
	...						...						
3	Lĩnh vực xây dựng					3	Lĩnh vực xây dựng						
	Ban quản lý dự án					3.1	Ban quản lý dự án thuộc UBND cấp tỉnh						
	...						...						
	...					3.2	Ban quản lý dự án thuộc UBND cấp xã						

	...						...						
	...					3.3	Ban quản lý dự án liên xã, phường						
	...						...						
	...					3.4	Các ĐVSNCL khác						
	...						...						
4	Lĩnh vực văn hóa, thông tin					4	Lĩnh vực văn hóa, thông tin						
	Trung tâm văn hóa						Trung tâm văn hóa						
	...						...						
5	Lĩnh vực nông nghiệp, môi trường					5	Lĩnh vực nông nghiệp, môi trường						
	Trung tâm phát triển quỹ đất						Trung tâm phát triển quỹ đất						
	...						...						
	ĐVSNCL khác						ĐVSNCL khác						

	...						...						
6	Các ĐVSNCL thuộc các ngành, lĩnh vực khác					6	Các ĐVSNCL thuộc các ngành, lĩnh vực khác						
	...						...						
	...					7	ĐVSNCL cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu thuộc UBND cấp xã						
	...						...						
	...						...						

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

13.3	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành																			
13.4	Văn thư viên																			
13.5	Lưu trữ viên																			
13.6	Kê toán trưởng (hoặc phụ trách kê toán)																			
13.7	Kế toán viên																			
13.8	Cán sự thủ quỹ																			

Người tổng hợp
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỔNG HỢP CHI TIẾT VIỆC BỐ TRÍ, SỬ DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
Sau khi hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp
(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày..../5/2026 của UBND xã/phường....)

Lưu ý: Số liệu báo cáo cập nhật đến ngày 01/5/2026. Đối tượng tổng hợp bao gồm các CBCC trong các cơ quan thuộc HĐND, UBND cấp xã.

- Cột (4): Ghi “x” nếu là nữ giới.

- Cột (5): Ghi số tuổi. Không ghi năm sinh.

- Cột (6) - (10): Ghi “x” vào cột tương ứng trình độ đào tạo cao nhất của CBCC.

- Cột (11): Ghi tên chuyên ngành đào tạo, không gắn liền với trình độ. Chỉ ghi tên ngành đào tạo. Ví dụ: Công nghệ thông tin, Kế toán... Nếu được đào tạo từ 02 chuyên ngành trở lên; ghi đầy đủ các chuyên ngành đào tạo; mỗi chuyên ngành cách nhau bởi dấu “;”.

- Cột (12) - (19): Ghi “x” vào cột tương ứng vị trí việc làm đảm nhiệm trước khi được bổ trí vị trí công tác hiện nay.

- Cột (20) - (27): Ghi “x” vào cột vị trí việc làm lãnh đạo quản lý tương ứng nếu CBCCVC là lãnh đạo, quản lý.

- Cột (28) - (40): Ghi rõ vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ theo từng lĩnh vực cụ thể được ghi tại Phụ lục V Nghị định số 361/2025/NĐ-CP.

- Cột (41): Ghi “x” nếu vị trí việc làm hiện nay được bổ trí phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ đã qua đào tạo.

TT	Họ và tên	Xã/ phường	Nữ	Tuổi	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Chuyên ngành đào tạo	Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay								Vị trí việc làm Lãnh đạo quản lý								Vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ																Bổ trí vị trí việc làm phù hợp		Ghi chú
					Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp		Cán bộ cấp tỉnh	Công chức cấp tỉnh	Cán bộ cấp huyện	Công chức cấp huyện	Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Viên chức	Người hoạt động không chuyên trách	Chủ tịch HĐND và UBND	Phó Chủ tịch HĐND và UBND	Chánh Văn phòng HĐND và UBND	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND	Trưởng phòng	Phó Trưởng phòng	Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lãnh vực Văn phòng	Lãnh vực Tư pháp	Lãnh vực Đối ngoại	Lãnh vực Tài chính - Kế hoạch	Lãnh vực Xây dựng	Lãnh vực Công thương	Lãnh vực Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh vực Nội vụ	Lãnh vực Giáo dục và Đào tạo	Lãnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin	Lãnh vực Y tế	Phục vụ hành chính công	Khác	Về chuyên ngành đào tạo	Về lĩnh nghiệp công tác				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	(41)	(42)	(43)			
TỔNG																																													
1																																													
2																																													
3																																													
4																																													
5																																													
...																																													
...																																													
...																																													
...																																													

Người tổng hợp
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)